



Original Article

Perceptions of Hanoi University of Science and Technology Students about Blended Learning

Nguyen Thi Duyen^{1,*}, Bui Thi Thu Huong²,
Nguyen Van Doc³, Le Thi Thu Thuy⁴

^{1,2,3}*Hanoi University of Science and Technology, 01 Dai Co Viet, Hai Ba Trung, Hanoi, Vietnam*

⁴*Hung Yen University of Technology and Education, Dan Tien Khoai Chau, Hung Yen, Vietnam*

Received 04th June 2024

Revised 15th May 2025; Accepted 21st May 2025

Abstract: The paper aims to understand students' awareness of blended teaching in the following aspects: The necessity of blended teaching; The effects of combined teaching on learners; Necessary level of activities to implement combined teaching for students. Data was collected through a survey on google form with 127 students studying at Hanoi University of Science and Technology. Research results have shown: Students appreciate the necessity of combined teaching because this activity brings certain benefits to learners. To effectively implement combined teaching, it is necessary to deploy many different activities from "Designing PowerPoint lessons"; "Compiling electronic learning materials" to "Establishing online learning groups".

Keywords: Perception, Blended learning, students.

* Corresponding author.

E-mail address: duyen.nguyenthi@hust.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.5110>

Nhận thức của sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội về dạy học kết hợp

Nguyễn Thị Duyen^{1,*}, Bùi Thị Thu Hương²,
Nguyễn Văn Đốc³, Lê Thị Thu Thủy⁴

^{1,2,3}Đại học Bách khoa Hà Nội, 01 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

⁴Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, Dân Tiến, Khoái Châu, Hưng Yên, Việt Nam

Nhận ngày 04 tháng 6 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 15 tháng 5 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 21 tháng 5 năm 2025

Tóm tắt: Bài viết nhằm tìm hiểu nhận thức của sinh viên về dạy học kết hợp ở các khía cạnh: sự cần thiết của dạy học kết hợp; Những tác dụng của dạy học kết hợp đối với người học; Mức độ cần thiết phải thực hiện các hoạt động để triển khai dạy học kết hợp cho sinh viên. Dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát trên google form với 127 sinh viên đang học tại Đại học Bách khoa Hà Nội. Kết quả nghiên cứu đã chỉ: sinh viên đánh giá cao sự cần thiết của dạy học kết hợp vì hoạt động này mang lại những lợi ích nhất định đối với người học. Để triển khai dạy học kết hợp hiệu quả cần triển khai nhiều hoạt động khác nhau từ việc “Thiết kế bài giảng PowerPoint”; “Biên soạn tài liệu học tập điện tử” đến “Thành lập các nhóm học tập trực tuyến”.

Từ khóa: Nhận thức, dạy học kết hợp, sinh viên.

1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, đặc biệt sau khi có sự xuất hiện của đại dịch COVID-19 thì việc dạy học kết hợp (Blended learning) đã và đang chiếm ưu thế trong quá trình dạy học tại các cơ sở giáo dục. Đối với các trường đại học, việc vận dụng mô hình dạy học kết hợp trong dạy học mang lại những lợi ích nhất định cho giảng viên, sinh viên và là một lựa chọn hợp lý của các nhà trường.

H. Staker, M. B. Horn (2012) chỉ ra rằng: dạy học kết hợp là một phương thức giáo dục chính quy, trong đó người học một phần tham gia vào việc học trực tuyến với nội dung và hướng dẫn có sự kiểm soát về thời gian, địa điểm, lộ trình, tốc độ học, cùng với một phần học trực tiếp tại lớp [1].

M. Thome (2003) khẳng định rằng: dạy học kết hợp là sự kết hợp giữa các tiến bộ của công

nghệ trong dạy học trực tuyến với sự tham gia tương tác của các phương pháp dạy học truyền thống [2].

Tại Đại học Bách khoa Hà Nội việc dạy học kết hợp đã và đang nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện, khuyến khích thực hiện. Hiện nay, trên hệ thống quản lý đào tạo của Đại học Bách khoa Hà Nội tại địa chỉ <https://lms.hust.edu.vn> sẽ có những học phần được đăng kí giảng dạy theo hình thức dạy học kết hợp. Bài báo sẽ trình bày kết quả nghiên cứu về nhận thức về dạy học kết hợp của những sinh viên đang trực tiếp học tập theo mô hình này tại Đại học Bách khoa Hà Nội.

2. Tổng quan nghiên cứu về dạy học kết hợp

2.1. Khái niệm dạy học kết hợp

M. Oliver, K. Trigwell (2005) đã định nghĩa về dạy học kết hợp như sau: i) “Sự kết hợp giữa các phương tiện truyền thông và các công cụ được sử dụng trong môi trường học tập điện tử”; ii) “Sự kết hợp của nhiều phương pháp sư phạm, bất kể công nghệ học tập được sử dụng”; và iii) “Sự kết hợp tích hợp giữa học tập truyền

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: duyen.nguyenthi@hust.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.5110>

thống với các phương pháp tiếp cận trực tuyến dựa trên web" [3].

A. M. Bliuc, P. Goodyear, R. A. Ellis đã nêu rằng: Học tập tổng hợp quá trình kết hợp có hệ thống giữa các tương tác trực tiếp và các tương tác thông qua công nghệ trung gian, diễn ra giữa học sinh, giáo viên và các tài nguyên học tập [4].

D. R. Garrison, H. Kanuka định nghĩa: dạy học kết hợp là sự tích hợp chu đáo của việc học tập trực tiếp trong lớp trải nghiệm với trải nghiệm trực tuyến [5].

P. T. B. Dao và các tác giả cho rằng: dạy học kết hợp là hình thức học tập trong đó người học tham gia tương tác theo thời gian thực, có thể diễn ra trực tiếp hoặc trực tuyến, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ như bài tập hoặc dự án thông qua các nền tảng trực tuyến hoặc hệ thống quản lý học tập [6].

N. H. Trang và các tác giả (2020) chỉ ra: dạy học kết hợp là sự kết hợp giữa hình thức học trực tuyến (E-learning) và học trực tiếp (F2F) nhằm tận dụng tối đa ưu điểm của từng phương thức này trong quá trình tổ chức dạy học [7].

Như vậy, dạy học kết hợp là sự tích hợp linh hoạt giữa phương pháp giảng dạy trực tiếp và trực tuyến, giúp người học có nhiều cơ hội tương tác với nội dung tài liệu và giáo viên. Dạy học kết hợp phát huy ưu điểm của cả hai hình thức từ đó nâng cao hiệu quả học tập và tăng cường tính chủ động của người học.

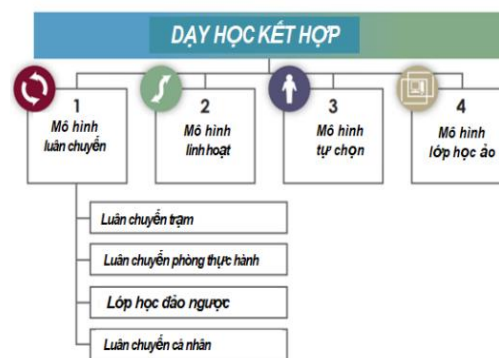
2.2. Mô hình dạy học kết hợp

Các tác giả H. Staker, M. B. Horn (2012) đã đưa ra các mô hình dạy học kết hợp ở sơ đồ dưới đây [1].

Theo các tác giả thì việc dạy học kết hợp được phân chia thành 4 mô hình: mô hình luân chuyển (Rotation model), Mô hình linh hoạt (Flex model), Mô hình tự chọn (Self-Blend model) và Mô hình lớp học ảo (Enriched-Virtual model).

Mô hình luân chuyển (Rotation model): khi học theo mô hình này thì người học sẽ được luân chuyển giữa học trực tuyến và học trực tiếp theo kế hoạch do giáo viên đưa ra. Mô hình

này được chia làm 4 mô hình con, gồm có: luân chuyển trạm (Station Rotation model), Luân chuyển phòng thực hành (Lab Rotation model), Lớp học đảo ngược (Flipped classroom model), Luân chuyển cá nhân (Individual Rotation model).



Hình 1. Sơ đồ dạy học kết hợp.

Mô hình linh hoạt (Flex model): theo mô hình này thì giáo viên sẽ hỗ trợ cho người học khi cần thiết thông qua các hoạt động như dự án nhóm, hướng dẫn nhóm nhỏ. Các hoạt động tương tác này được thực hiện trong các buổi học trực tiếp tại lớp. Đồng thời, người học có thể tự quản lý thời gian và tiến độ học tập của mình theo kế hoạch cá nhân.

Mô hình tự chọn (Self-Blend model): khi học theo mô hình này, người học được chủ động đăng ký tham gia một số khóa học trực tuyến phù hợp với nhu cầu bản thân nhằm hỗ trợ và mở rộng thêm kiến thức bên cạnh chương trình học trực tiếp tại lớp.

Mô hình lớp học ảo (Enriched-Virtual model): ở mô hình này, học sinh sẽ tham gia cả lớp học trực tuyến và trực tiếp với các bạn cùng trường. Học sinh bắt đầu với các hoạt động học tập trên nền tảng trực tuyến, sau đó tiếp tục trải nghiệm tại lớp học truyền thống, tuy nhiên không cần phải đến lớp hằng ngày.

Với các mô hình này, tùy vào điều kiện từng trường mà giáo viên lựa chọn áp dụng cho phù hợp.

Một nghiên cứu khảo sát do Học viện Innosight tiến hành tại 60 cơ sở giáo dục trên toàn nước Mỹ đã chỉ ra rằng hiện có 6 mô hình dạy học kết hợp đang được triển khai tại các trường học chính quy và không chính quy trên

cả nước gồm: Mô hình giảng dạy trực tiếp là chủ đạo (Face - to - face driver), Mô hình luân chuyển (Rotation model), Mô hình linh hoạt (Flex model), Mô hình phòng thí nghiệm trực tuyến (Online lab model), Mô hình tự chọn (Self-Blend model) và Mô hình giảng dạy trực tuyến là chủ đạo (Online driver model) [8] trong đó:

Mô hình giảng dạy trực tiếp là chủ đạo (Face - to - face driver) có đặc trưng giáo viên dẫn dắt quá trình học tập trên lớp dưới sự hỗ trợ của các thiết bị công nghệ. Mô hình này thích hợp cho các lớp học có sự đa dạng về trình độ và khả năng của học sinh.

Mô hình luân chuyển (Rotation model) là mô hình học tập theo dạng trạm, trong đó học sinh chuyển đổi giữa các trạm theo lịch trình định sẵn, có thể là học trực tuyến hoặc học trực tiếp với giáo viên. Mô hình này được áp dụng trong môi trường học tập linh hoạt, đặc biệt phù hợp với các cấp tiểu học và trung học cơ sở.

Mô hình linh hoạt (Flex model) có đặc trưng điển hình là người học chủ yếu học tập trực tuyến. Giáo viên đóng vai trò hướng dẫn, tư vấn và giải đáp thắc mắc trong các buổi học trực tiếp với học sinh. Mô hình này giúp phát triển tối đa khả năng tự học, làm việc nhóm và tương tác của người học. Mô hình này đã khá phổ biến tại nhiều trường đại học quốc tế.

Mô hình phòng thí nghiệm trực tuyến (Online lab model) tạo điều kiện cho người học tham gia học tập trực tuyến xuyên suốt khóa học tại các phòng máy tính chuyên dụng. Quá trình học được giám sát và quản lý trực tiếp bởi các giám sát viên của khóa học. Mô hình này giúp tối ưu hóa yêu cầu về cơ sở vật chất (như trường học, lớp học) và giảm thiểu nguồn lực, đặc biệt là số lượng giáo viên cần thiết.

Mô hình tự chọn (Self-Blend model) cho phép người học tham gia vào khóa học trực tuyến bổ sung ngoài chương trình học chính thức dựa trên nhu cầu, sở thích cá nhân. Mô hình đặc biệt phù hợp với cấp đại học, nơi người học có nhu cầu mở rộng kiến thức chuyên môn và phát triển kỹ năng cá nhân.

Mô hình giảng dạy trực tuyến là chủ đạo (Online driver model) tạo điều kiện cho người học tham gia quá trình học tập thông qua một

nền tảng quản lý trực tuyến. Các tương tác giữa người học với giáo viên cũng được thực hiện trực tuyến. Mô hình này phù hợp với người học cần tính linh hoạt trong lịch trình hàng ngày, đặc biệt thích hợp với các cấp đại học và sau đại học.

T. Vander Ark, Tom (2012) đã chỉ ra rằng việc dạy học kết hợp có thể cải thiện điều kiện làm việc, dạy và học. Tác giả đã đề xuất 5 cách dạy học kết hợp có thể cải thiện việc giảng dạy bao gồm: Nghiên cứu và đánh giá ban đầu về người học; Phân tích, theo dõi sự tiến bộ của người học; Tiếp cận với nhiều người học; Lập kế hoạch linh động, phù hợp với người học; Chú trọng phát triển các kỹ năng nâng cao [9].

Theo tác giả N. H. Trang (2020), dạy học kết hợp có thể triển khai theo các cấp độ khác nhau: i) Giáo viên vẫn giữ vai trò trung tâm trong hình thức dạy học trực tiếp, đồng thời kết hợp cung cấp tài liệu học tập trực tuyến để hỗ trợ học sinh trong quá trình tự học. Học sinh sử dụng các phương tiện công nghệ và mạng Internet để tìm kiếm tài liệu liên quan tới môn học để thực hiện các nhiệm vụ học tập. ii) Giáo viên phải thiết kế các bài giảng trực tuyến và sử dụng kết hợp với dạy học giáp mặt truyền thống. Học sinh tham gia thực hiện nhiệm vụ học tập trực tuyến mà giáo viên giao cho. Việc trao đổi các nội dung liên quan đến bài học có thể diễn ra thông qua email, diễn đàn hoặc trực tiếp tại lớp học. iii) Bên cạnh việc kết hợp hình thức giảng dạy trực tuyến và trực tiếp, giáo viên cần xây dựng kế hoạch cụ thể cho việc kiểm tra, đánh giá cũng như quản lý hoạt động học tập trực tuyến trong suốt khóa học. Học sinh không chỉ hoàn thành nhiệm vụ học tập mà còn tham gia vào các hoạt động đánh giá trực tuyến và tương tác qua các kênh như email, diễn đàn hoặc trao đổi trực tiếp tại lớp [10].

Như vậy, có thể lựa chọn các mô hình khác nhau để áp dụng khi tổ chức dạy học kết hợp. Ở các mô hình này người học có thể thay đổi giữa việc học trực tiếp với giáo viên và học trực tuyến, đồng thời có thể lựa chọn các khóa học trực tuyến để bổ sung cho chương trình học. Giáo viên đóng vai trò hướng dẫn và hỗ trợ khi cần thiết để thực hiện việc học tập thông qua công cụ trực tuyến.

2.3. Lợi ích của dạy học kết hợp

Lợi ích của vận dụng mô hình dạy học kết hợp trong tổ chức dạy học bao gồm: i) Cá nhân hoá việc học của người học: Khi được giáo viên cung cấp các tài liệu học tập và nhiệm vụ học tập online, người học chủ động dành thời gian để nghiên cứu và hoàn thiện những nhiệm vụ học tập được giao đó. Thời gian dành cho việc học phụ thuộc vào lựa chọn và điều kiện riêng của từng cá nhân. Hơn nữa, người học còn chủ động được điều kiện, môi trường, phương pháp học tập mà họ yêu thích; ii) Người học có điều kiện lựa chọn tài liệu học tập: khi tổ chức dạy học trên lớp thì nguồn tài liệu chính mà người học được tiếp cận là sách giáo khoa, giáo trình, đề cương bài giảng. Nhưng với dạy học trực tuyến, người học có điều kiện tiếp cận với kho học liệu lớn từ nhiều nguồn khác nhau mà khi học trực tiếp trên lớp khó có điều kiện tiếp cận; iii) Giúp rèn luyện những kỹ năng học tập cơ bản cho người học: Không thể phủ nhận những lợi ích mà dạy học trực tiếp mang lại cho người học, giúp người học rèn luyện những kỹ năng học tập cơ bản như ghi chép, nghe giảng, hoạt động nhóm,... nhưng nếu có sự kết hợp của dạy học trực tuyến người học có cơ hội rèn luyện nhiều hơn khi có thể xem nhiều lần bài giảng của giáo viên hay video có liên quan, có thể làm nhiều lần các bài tập,... nên người học sẽ có thêm cơ hội rèn luyện những kỹ năng học tập cho bản thân. Lợi ích tiếp thêm là iv) Tăng sự chủ động và trách nhiệm của người học trong quá trình học tập: với những nhiệm vụ được giao theo kế hoạch nhất định của giáo viên khi tổ chức dạy học, người học sẽ cần chủ động và có trách nhiệm để hoàn thành những nhiệm vụ, việc có thể lựa chọn cách tiếp cận để giải quyết vấn đề, thời gian và không gian học tập sẽ tăng tính chủ động của người học và tạo nên sự khác biệt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giữa các cá nhân. Ngoài ra, phụ huynh cũng có thể đồng hành cùng các con thông qua việc tham gia truy cập vào các nguồn học tập và sẵn sàng hỗ trợ người học khi cần [11].

Đối với giáo viên, dạy học kết hợp sẽ làm giảm thời lượng giảng dạy trực tiếp trên lớp, tạo điều kiện cho họ dành thời gian cho các

hoạt động chuyên môn khác như: nghiên cứu khoa học, tham gia hội thảo, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho người học [12].

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến dạy học kết hợp

Nghiên cứu của X. Wang và các tác giả (2023) trên 651 sinh viên nam và 422 sinh viên nữ tại Trung Quốc chỉ ra rằng: các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng với việc học theo mô hình dạy học kết hợp bao gồm cả yếu tố bên ngoài và yếu tố bên trong. Yếu tố bên ngoài có sự ảnh hưởng lớn nhất là sự hỗ trợ về nguồn lực. Trong khi đó, yếu tố bên trong có ảnh hưởng lớn nhất là sự tự tin vào khả năng học tập của bản thân. So với các yếu tố ảnh hưởng bên ngoài khác thì sự hỗ trợ của giáo viên và hỗ trợ của các bạn cùng học có ảnh hưởng gián tiếp đến sự hài lòng của sinh viên đại học. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các yếu tố ảnh hưởng bên trong có tác động lớn hơn đến sự hài lòng sự hài lòng với việc học theo mô hình dạy học kết hợp so với các yếu tố bên ngoài [13].

Nghiên cứu của S. Ali và các tác giả (2018) chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của học tập trực tuyến gồm 68 yếu tố có thể gây cản trở cho sự thành công của học tập trực tuyến. Các khía cạnh này được tác giả đề nghị gộp thành ba chiều là sự phạm, công nghệ và người học [14].

Theo nghiên cứu của S. Nikou và I. Maslov (2023), các yếu tố liên quan đến đại dịch COVID-19 có ảnh hưởng đến thái độ và mức độ hài lòng của sinh viên đối với kết quả học tập trực tuyến. Các yếu tố khác như việc dạy học được thực hiện trên một nền tảng trực tuyến và chất lượng thiết kế khóa học trực tuyến đều có ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên [15].

M. Turu, T. van Rossum, N. Gridley (2023) cho thấy sự hài lòng của sinh viên phụ thuộc vào cách thức tổ chức khóa học, sự tương tác của họ với bạn bè và nhân viên cũng như việc sử dụng công nghệ [16].

Các nghiên cứu tổng quan bên trên chỉ ra rằng dạy học kết hợp đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện chất lượng giáo dục, tạo

môi trường học tập linh hoạt và hỗ trợ phát triển kỹ năng tự học. Mô hình luân chuyển (Rotation model), Mô hình linh hoạt (Flex model), Mô hình tự chọn (Self-Blend model) và Mô hình lớp học ảo (Enriched-Virtual model) đều có ưu điểm nhất định và có thể vận dụng linh hoạt theo nhu cầu của người sử dụng. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả, cần kết hợp sự hài hòa giữa học trực tuyến và trực tiếp, cùng với việc phát triển các công cụ hỗ trợ học tập như nền tảng học trực tuyến, xây dựng tài liệu học phong phú và các phương pháp giảng dạy linh hoạt. Hơn nữa, việc giám sát thường xuyên quá trình học tập và đánh giá kết quả học của người học là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình học tập. Và cuối cùng, việc bồi dưỡng kỹ năng giảng dạy cho giáo viên là yếu tố then chốt để đảm bảo sự thành công của việc vận dụng dạy học kết hợp trong dạy học.

3. Phương pháp và kết quả nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành thu thập dữ liệu thông qua phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Một bảng hỏi bao gồm các câu hỏi nhiều

lựa chọn đã được thiết kế để thu thập các thông tin nhận thức của sinh viên về các nội dung sau:

- Mức độ quan trọng của việc dạy học kết hợp.
- Tác dụng của dạy học kết hợp đối với sinh viên.
- Mức độ cần thiết phải thực hiện các hoạt động để triển khai dạy học kết hợp cho sinh viên.
- Mức độ hiệu quả triển khai dạy học kết hợp.
- Yếu tố ảnh hưởng đến kết quả dạy học kết hợp.

Với các câu hỏi, chúng tôi đưa ra 3 mức độ lựa chọn như sau:

Hiệu quả/Tác dụng nhiều/Ảnh hưởng nhiều/Cần thiết: 3 điểm;

Bình thường/Tác dụng ít/Bình thường: 2 điểm;

Chưa hiệu/Không tác dụng/Không cần thiết: 1 điểm.

Khi xác định thang đo, chúng tôi dựa trên phương pháp tính điểm của thang đo Likert áp dụng công thức: (Điểm tối đa - Điểm tối thiểu): Số mức độ [17].

Khoảng cách giữa các mức độ của thang đo là: $(3-1) : 3 = 0,67$ điểm. Điểm số tối thiểu của mức độ 1 là 1 điểm. Điểm số tối thiểu của mức độ 2 là: $1 + 0,67 = 1,67$ điểm. Điểm số tối thiểu của mức độ 3 là: $1,67 + 0,67 = 2,34$ điểm.

Vì vậy, ba mức độ của thang đo được xác định như sau:

Thang điểm giá trị mức độ	Xếp loại mức độ cần thiết	Xếp loại mức độ tác dụng	Xếp loại mức độ hiệu quả	Xếp loại mức độ ảnh hưởng
Mức 1: ($1,0 \leq \text{ĐTB} < 1,67$)	Cần thiết	Tác dụng nhiều	Hiệu quả	Ảnh hưởng nhiều
Mức 2: ($1,67 \leq \text{ĐTB} < 2,34$)	Bình thường	Tác dụng ít	Bình thường	Ảnh hưởng ít
Mức 3: ($2,34 \leq \text{ĐTB} \leq 3$)	Không cần thiết	Không tác dụng	Không hiệu quả	Không ảnh hưởng

Bảng hỏi được tạo trên nền tảng google form, có thể truy cập theo đường link:

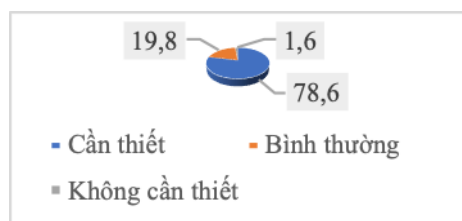
“https://docs.google.com/forms/d/1S-l-Z7Qq5LAia8yuHKMXzP6ub-9yvQ66zWO_aTcrDcY/edit” và được gửi tới 127 sinh viên thuộc Đại học Bách khoa Hà Nội trong tháng 4-5/2024. Nhóm sinh viên gồm có 32 sinh viên nữ và 95 sinh viên nam. Các sinh

viên tham gia khảo sát gồm 107 sinh viên năm thứ hai (84,3%), 16 sinh viên năm thứ ba (12,6%) và 4 sinh viên năm thứ tư (3,1%). Các sinh viên tham gia khảo sát đến từ các ngành học khác nhau trong Đại học Bách khoa Hà Nội và đã tham gia học tập học phần Tâm lý học ứng dụng theo hình thức dạy học kết hợp.

3.2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Nhận thức của sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội về sự cần thiết của dạy học kết hợp.

Kết quả khảo sát nhận thức của sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội (ĐHBKHN) về sự cần thiết của dạy học kết hợp được thể hiện ở hình dưới đây:

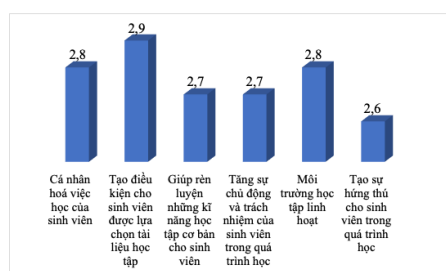


Hình 2. Nhận thức của sinh viên ĐHBKHN về tầm quan trọng của dạy học kết hợp.

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn sinh viên cho rằng việc tổ chức dạy học kết hợp là cần thiết (78,6%). Đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số như hiện nay thì việc linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học để người học có thể dễ dàng tiếp cận kiến thức thì luôn cần thiết và đáp ứng nhu cầu học mọi lúc, mọi nơi của người học.

Nhận thức của sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội về tác dụng của dạy học kết hợp đối với người học.

Kết quả điều tra nhận thức của sinh viên về tác dụng của dạy học kết hợp đối với người học được thể hiện ở Hình 3.



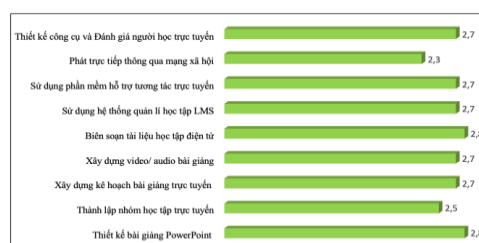
Hình 3. Nhận thức của sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội về tác dụng của dạy học kết hợp.

Hình 3 cho thấy đa số sinh viên đánh giá cao tác dụng của dạy học kết hợp là: “Tạo điều kiện cho sinh viên được lựa chọn tài liệu học tập” với ĐTB = 2,9; “Cá nhân hóa việc học của sinh viên”; “Môi trường học tập linh hoạt” có

cùng ĐTB=2,8; “Giúp rèn luyện những kỹ năng học tập cơ bản cho sinh viên”; “Tăng sự chủ động và trách nhiệm của sinh viên trong quá trình học” cùng ĐTB=2,7. Như vậy, phần lớn sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội đánh giá cao tầm quan trọng của dạy học kết hợp. Lợi ích của dạy học kết hợp mang đến là tối ưu môi trường dạy học và tạo ra thế hệ trẻ năng động, sáng tạo, khuyến khích sinh viên chủ động hơn trong học tập, phát huy khả năng tương tác, hình thành tư duy phản biện, giúp cho quá trình dạy học đạt hiệu quả.

Đánh giá của sinh viên về các hoạt động cần thực hiện để triển khai dạy học kết hợp.

Kết quả khảo sát được trình bày trong Hình 4.

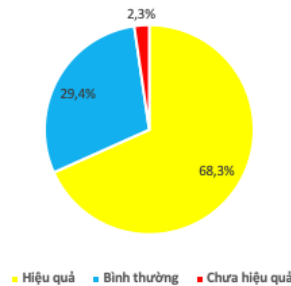


Hình 4. Mức độ cần thiết của các hoạt động để triển khai dạy học kết hợp cho sinh viên.

Theo đánh giá của sinh viên thì các hoạt động được đánh giá là cần thiết nhất khi tổ chức triển khai trong dạy học kết hợp là: “Thiết kế bài giảng PowerPoint”; “Biên soạn tài liệu học tập điện tử” với ĐTB = 2,8. Tiếp theo là đến các hoạt động “Thiết kế công cụ và đánh giá người học trực tuyến”; “Sử dụng phần mềm hỗ trợ tương tác trực tuyến”; “Sử dụng hệ thống quản lý học tập LMS”; “Xây dựng video/audio bài giảng”; “Xây dựng kế hoạch bài giảng trực tuyến” cùng có ĐTB = 2,7. Sau đó đến hoạt động “Thành lập nhóm học tập trực tuyến” với ĐTB = 2,5. Cuối cùng là hoạt động “Phát trực tiếp thông qua mạng xã hội” được đánh giá ở mức độ cần thiết thấp nhất có ĐTB = 2,3. Như vậy, theo góc nhìn từ phía người học, chúng ta cũng biết được những hoạt động nào là cần thiết, phù hợp với sinh viên để có căn cứ triển khai dạy học đạt hiệu quả.

Đánh giá của sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội về hiệu quả tổ chức triển khai dạy học kết hợp.

Kết quả đánh giá của sinh viên về hiệu quả tổ chức triển khai dạy học kết hợp tại Đại học Bách khoa Hà Nội được thể hiện ở sơ đồ dưới đây.

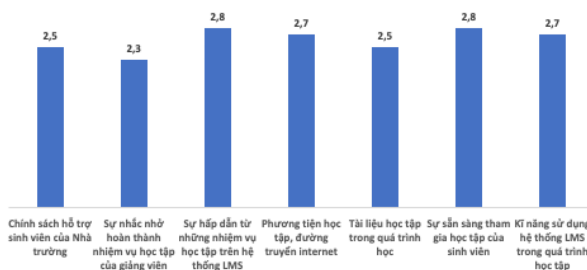


Hình 5. Đánh giá của sinh viên về hiệu quả khi triển khai dạy học kết hợp tại Đại học Bách khoa Hà Nội.

Kết quả trên cho thấy đa số sinh viên đánh giá cao về hiệu quả của dạy học kết hợp với 68,3%; đánh giá ở mức “Bình thường” với tỷ lệ 29,4%, chỉ có 2,3% sinh viên đánh giá mức “Chưa hiệu quả”.

Sinh viên đã đánh giá khá cao hiệu quả tổ chức dạy học kết hợp tại Đại học Bách khoa Hà Nội. Đánh giá này của sinh viên hoàn toàn có cơ sở dựa trên những gì đang tiến hành tại Nhà trường. Đại học Bách khoa Hà Nội đã triển khai dạy học theo hình thức dạy học kết hợp từ năm 2019, tính đến năm 2024 đã trên 90 học phần triển khai dạy học theo hình thức này. Tất cả các học phần được thiết kế và quản lý học tập trên hệ thống LMS của Nhà trường.

Đánh giá của sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội về các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả học tập theo mô hình dạy học kết hợp được thể hiện ở hình 6.



Hình 6. Đánh giá của sinh viên các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả học tập theo mô hình dạy học kết hợp tại Đại học Bách khoa Hà Nội.

Theo đánh giá của sinh viên thì yếu tố ảnh hưởng nhất đến hiệu quả học tập chính là “sự sẵn sàng tham gia học tập của sinh viên”, cùng với đó là “sự hấp dẫn từ những nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS”, cùng có ĐTB là 2,8. Tiếp đến là yếu tố “Kỹ năng sử dụng hệ thống LMS trong quá trình học tập”, “Phương tiện học tập, đường truyền internet” cũng có ảnh hưởng đến hiệu quả việc học tập của người học (cùng có ĐTB là 2,7). Việc kỹ năng hạn chế, đường truyền internet không ổn định sẽ khiến cho khó khăn trong việc thực hiện các thao tác trên hệ thống, thậm chí gây gián đoạn việc học tập của sinh viên. Tiếp đến là yếu tố “Tài liệu học tập trong quá trình học” và “Chính sách hỗ trợ sinh viên của Nhà trường” cũng có ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả học tập của sinh viên (cùng có ĐTB là 2,5). Yếu tố “Sự nhắc nhở hoàn thành nhiệm vụ học tập của giảng viên” được xếp cuối cùng (với ĐTB 2,3) vì trong quá trình học tập, tuy sinh viên cũng cần có sự định hướng từ phía giảng viên nhưng sinh viên cũng có những kỹ năng nhất định, đặc biệt là kỹ năng tự học để hoàn thành những nhiệm vụ được giao, những mục tiêu, kế hoạch bản thân mỗi sinh viên đặt ra trong quá trình học tập.

4. Kết luận

Hiện nay, các cơ sở giáo dục đã và đang tổ chức triển khai dạy học kết hợp khá nhiều vì những lợi ích mà nó mang lại. Sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội đã nhận thức được được sự cần thiết, tác dụng khi khi học tập theo mô hình này trong việc nâng cao kết quả học tập. Sinh viên cũng chỉ ra được những hoạt động cần thiết giáo viên cần tiến hành khi tổ chức dạy học kết hợp cho người học từ việc thiết kế bài giảng PowerPoint, biên soạn tài liệu học tập điện tử đến việc xây dựng kế hoạch bài giảng trực tuyến và thành lập nhóm học tập trực tuyến để việc tổ chức dạy học được tiến hành hiệu quả.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Bách khoa Hà Nội trong đề tài mã số T2023-PC-077.

Tài liệu tham khảo

- [1] H. Staker, M. B. Horn, *Classifying K–12 Blended Learning*, Innosight Inst., 2012.
- [2] M. Thome, *Blending the Best of Online and Face-to-Face Learning to Improve Student Outcomes*, Schoolwires.com, 2003.
- [3] M. Oliver, K. Trigwell, *Can Blended Learning Be Redeemed*, *E-Learn. Digit. Media*, Vol. 2, No. 1, 2005, pp. 17-26, <https://doi.org/10.2304/elea.2005.2.1.17>.
- [4] A.M. Bliuc, P. Goodyear, R. A. Ellis, *Research Focus and Methodological Choices in Studies Into Students' Experiences of Blended Learning in Higher Education*, *Internet High. Educ.*, Vol. 10, No. 4, 2007, pp. 231-244, <https://doi.org/10.1016/j.iheduc.2007.08.001>.
- [5] D. R. Garrison, H. Kanuka, *Blended Learning: Uncovering Its Transformative Potential in Higher Education*, *Internet High. Educ.*, Vol. 7, No. 2, 2004, pp. 95-105, <https://doi.org/10.1016/j.iheduc.2004.02.001>.
- [6] P. T. B. Dao et al., *Blended Learning for Secondary Schools in Nam Dinh Province to Satisfy New Standards: The Current Situation and Proposed Models*, *J. Educators Teach, Trainers*, Vol. 13, No. 5, 2022.
- [7] N. H. Trang et al., *Combined Teaching and Organization of Combined Teaching at High Schools*, *Educ. Mag.*, No. 485, 2020, pp. 33-38.
- [8] M. B. Horn, H. Staker, *Blended: Using Disruptive Innovation to Improve Schools*, Jossey-Bass, 2014.
- [9] T. Vander Ark, *Blended Learning Can Improve Working Conditions*, *Teaching & Learning, Getting Smart*, 29th June, 2012.
- [10] N. H. Trang, *Some Issues in the Organization of Blended Learning Teaching and International Experience*, *Int. Conf.: Educ. for Everyone*, 2020.
- [11] N. T. Duyen, *Applying the Combined Teaching Model in Teaching the Module "Application of Information Technology in Education" for Students*, *Educ. Equip. Mag.*, No. 292, 2023.
- [12] V. T. T. Minh, *Blended Learning and Applicability at Hung Vuong University*, *Sci. Mag.*, No. 37, 2020.
- [13] X. Wang, X. Chen, X. Wu, J. Lu, B. Xu, H. Wang, *Research on the Influencing Factors of University Students' Learning Ability Satisfaction Under the Blended Learning Model*, *Sustain.*, Vol. 15, No. 16, 2023, <https://doi:10.3390/su151612454>.
- [14] S. Ali, M. A. Uppal, S. R. Gulliver, *A Conceptual Framework Highlighting E-learning Implementation Barriers*, *Inf. Technol. People*, Vol. 31, No. 1, 2018, pp. 156-180, <https://doi.org/10.1108/ITP-10-2016-0246>.
- [15] S. Nikou, I. Maslov, *Finnish University Students' Satisfaction with E-learning Outcomes During the COVID-19 Pandemic*, *Int. J. Educ. Manag.*, Vol. 37, No. 1, 2023, pp. 1-21, <https://doi:10.1108/IJEM-04-2022-0166>.
- [16] M. Turu, T. van Rossum, N. Gridley, *Starting University During the COVID-19 Pandemic: A Small-Scale Study of First-Year Education Students' Expectations, Experiences and Preferences*, *Learn. Teach.*, Vol. 16, No. 1, 2023, pp. 77-97, <https://doi:10.3167/latiss.2023.160105>.
- [17] R. Likert, *A Technique for the Measurement of Attitudes*, *Arch. Psychol.*, Vol. 140, 1932.